

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH THÀNH
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 21/01/2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Quách Hà Vĩnh

2. Bà Nguyễn Thị Hà

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Nguyệt – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 186/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2021 về: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 44/2021/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trương Thị Y; Sinh năm: 1997

Địa chỉ: Thôn Q, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Trần Đức T; Sinh năm: 1991

Địa chỉ: Thôn Q, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 23/8/2021, bản tự khai ngày 15/10/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, chị Trương Thị Y trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Trần Đức T kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 25/02/2016 tại Ủy ban nhân dân (Sau đây viết tắt là UBND) xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Sau ngày cưới tình cảm vợ chồng hòa thuận đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi cọ, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên giải nhưng vợ chồng vẫn không hòa hợp được. Chị và anh T đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trần Nhật N, sinh ngày 25/01/2017. Từ khi vợ chồng sống ly thân thì cháu vẫn ở với bố và ông bà nội. Do đó, để tránh sự xáo trộn trong cuộc sống và học tập của cháu. Sau khi ly hôn, chị Y đề nghị giao con cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T.

Về tài sản: Chị Y không yêu cầu Toà án giải quyết.

Toà án đã Tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và triệu tập anh Trần Đức T để nộp bản tự khai nhưng anh T không có mặt nên không có lời khai của anh T trong hồ sơ vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của các đương sự trong vụ án. Từ giai đoạn thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như các thành viên của Hội đồng xét xử (Sau đây viết tắt là HĐXX) và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (Sau đây viết tắt là BLTTDS). Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình còn bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Về hôn nhân: Xử cho chị Trương Thị Y được ly hôn anh Trần Đức T; Về con chung: Giao cháu Trần Nhật N, sinh ngày 25/01/2017 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị Y không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình có con chưa thành niên và trong quá trình giải quyết vụ án, do các bên đương sự chưa thống nhất được các vấn đề tranh chấp trong vụ án nên Tòa án đã tiến hành xác minh để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo khoản 3 Điều 208 BLTTDS và đã thông báo kết quả thu thập tài liệu chứng cứ cho các bên đương sự cũng nhưng VKS được biết.

[2]. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự, nhưng anh T không có mặt nên Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho anh T theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS.

[3]. Anh T đã được triệu tập hợp lệ đến phiên hoà giải hai lần nhưng anh T đều không đến để tham gia hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 BLTTDS.

[4]. Tại phiên tòa, chị Y vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt chị Y và anh T.

[5]. Về hôn nhân: Chị Trương Thị Y và anh Trần Đức T kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 25/02/2016 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa và không vi phạm các cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp và

thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 Điều 28 BLTTDS. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2018 thì mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, luôn bất đồng quan điểm sống nên hay xảy ra cãi vã, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Chị Y và anh T đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Việc này đã được chính quyền xã T xác nhận và cũng phù hợp với nội dung mà Tòa án đã tiến hành xác minh. Nay chị Y nhất quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T, HĐXX nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, hạnh phúc hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị Trương Thị Y được ly hôn anh Trần Đức T.

[6]. Về con chung: Vợ chồng có một con chung. Xét thấy, từ khi chị Y và anh T sống ly thân thì cháu luôn ở với bố và ông bà nội. Do đó, để tránh sự xáo trộn trong cuộc sống và học tập của cháu, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của chị Y. Giáo cháu Trần Nhật N, sinh ngày 25/01/2017 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị Y không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T.

[7] Về tài sản: Chị Y không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[8] Về án phí: Chị Y phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Xử cho chị Trương Thị Y được ly hôn anh Trần Đức T.

Về con chung: Giao cháu Trần Nhật N, sinh ngày 25/01/2017 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị Y không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T.

Chị Y có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Trương Thị Y phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành theo biên lai số: AA/2021/0007413, ngày 15/10/2021, chị Y đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt chị Trương Thị Y và anh Trần Đức T. Chị Y, anh T có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thạch Thành;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu HSVA;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Cúc